

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12.01.2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 1. Ông Nguyễn Viết Ngoan
 2. Ông Nguyễn Quốc Tuấn
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 09.12.2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26.12.2022, giữa các đương sự:

- | | |
|---|---------------|
| 1. <u>Nguyên đơn</u> : Bà Nguyễn Thị T | sinh năm 1970 |
| Cư ngụ: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ. | |
| 2. <u>Bị đơn</u> : Ông Nguyễn Văn A | sinh năm 1966 |
| Cư ngụ: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ. | |
| 3. <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u> : | |
| 3.1. Anh Nguyễn Ánh N | sinh năm 1988 |
| 3.2. Chị Nguyễn Thị Ánh L | sinh năm 1990 |
| 3.3. Chị Nguyễn Thị Ánh P | sinh năm 1992 |
| Cư ngụ: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ. | |

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 25.5.2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*: Do tự quen biết và yêu thương nhau nên bà với ông Nguyễn Văn A được gia đình hai bên tác hợp, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 1987, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y nay là phường Y. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung gia đình chồng đến khi ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng. Ông A hay ghen vô cớ nên thường xuyên đánh đập bà. Từ năm 2019 thì bà T thuê nhà trọ sống ly thân với ông A từ đó đến nay.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Ánh N, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1992 - tất cả đã trưởng thành, lao động bình thường; Tài sản chung và nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà Tuyền yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn A; Tài sản chung, nợ chung: không có.

* *Tại tờ tự khai ngày 26.12.2022, bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:* Ông thừa nhận vợ chồng tự quen biết rồi được gia đình tổ chức lễ cưới năm 1987, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống bên gia đình chồng đến khi ly thân.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Ánh N, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1992 - tất cả đã trưởng thành, lao động bình thường; Tài sản chung và nợ chung: không có.

Do bà T có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý; Con chung đã trưởng thành nên ông A không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn/bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn A; *Về con chung:* đã trưởng thành, lao động bình thường nên không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng cho con; *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn A tự quen biết, được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z nên hôn nhân của ông bà được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu

thuần, bà T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà T, ông A chung sống từ năm 1987, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, ông A hay ghen rồi nhiều lần đánh đập bà nên từ năm 2019 bà sống ly thân với ông A từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện: bà T xin ly hôn - ông A đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất có các con chung gồm Nguyễn Ánh N, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1992 - tất cả đã trưởng thành, lao động bình thường nên đương sự không đặt ra vấn đề giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A.

1. *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

2. *Về con chung*: gồm Nguyễn Ánh N sinh năm 1988, Nguyễn Thị Ánh L sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Ánh P sinh năm 1992 - tất cả đã trưởng thành, lao động

bình thường. Đương sự không đặt vấn đề giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo phiếu thu số 0004809 ngày 05.12.2022 thành án phí. Bà T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Z.
- THA quận Z.
- UBND phường Y (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền